TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 19/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Công Đợi;

- Ông Nguyễn Văn Thanh.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ 07, khóm V, phường M, thành phố H, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Út C, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 08, khóm Vĩnh Tây 2, phường M, thành phố H, tỉnh An Giang.

(Bà N, bà C, có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà N có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Út C làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 09/4/2020 âm lịch, bà tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được 13 lần với số tiền là 19.000.000đồng nên dây hụi này bà C còn nợ bà là 19.000.000đồng.

- Dây hụi thứ hai: hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 20/10/2020 âm lịch, nửa tháng khui hụi một lần vào ngày 20 và 06 hàng tháng, bà tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được 09 lần với số tiền là 8.000.000đồng nên dây hụi này bà C còn nợ bà là 8.000.000đồng.

- Dây hụi thứ ba: hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 20/10/2020 âm lịch, nửa tháng khui hụi một lần vào ngày 20 và 06 hàng tháng, bà tham gia 03 phần, đã góp hụi sống được 08 lần với số tiền là 41.000.000đồng và bà có mua lại một dây hụi do bà C bán lại là 24.000.000đồng nên dây hụi này bà C còn nợ lại bà 65.000.000đồng.

- Dây hụi thứ tư: hụi 2.000.000đồng, mở ngày 15/01/2021 âm lịch, một tháng mở 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, bà tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được 08 lần với số tiền là 8.400.000đồng nên dây hụi này bà C còn nợ lại bà số tiền 8.400.000đồng.

- Dây hụi thứ năm: hụi 500.000đồng, mở ngày 12/01/2021 âm lịch, mười ngày khui hụi một lần vào các ngày 12, 22 và mùng 02 âm lịch, bà tham gia 02 phần, đã góp hụi sống được 09 lần với số tiền 6.300.000đồng. Cũng trong dây hụi này, bà có mua thêm của bà C 02 phần với số tiền là 21.000.000đồng. Tổng cộng, dây hụi này bà C còn nợ bà là 16.350.000đồng.

- Dây hụi thứ sáu: hụi 500.000đồng, mở ngày 08/12/2020 âm lịch, mười ngày khui một lần vào các ngày 08, 18, 28 hàng tháng, bà tham gia 02 phần, đã góp hụi sống được 12 lần với số tiền 9.000.000đồng. Cũng trong dây hụi này, bà C có bán thêm cho bà 01 phần với số tiền là 17.000.000đồng. Tổng cộng, dây hụi này bà C còn nợ bà là 25.000.000đồng.

- Dây hụi thứ bảy: hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 18/6/2020 âm lịch, một tháng khui một lần, bà tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được 11 lần với số tiền 13.000.000đồng nên dây hụi này bà C còn nợ bà là 13.000.000đồng.

- Dây hụi thứ tám: hụi 3.000.000đồng, mở ngày 28/8/2021 âm lịch, một tháng khui một lần, bà tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được 08 lần với số tiền 13.000.000đồng nên dây hụi này bà C còn nợ bà là 13.000.000đồng.

- Dây hụi thứ C: hụi 2.000.000đồng, bà tham gia 01 phần, bà là người hốt chót nên được 36.000.000đồng, bà C có giao được cho bà 10.000.000đồng cộng 2.000.000đồng tiền huê hồng là 12.000.000 đồng nên dây hụi này bà C còn nợ lại bà 24.000.000 đồng.

Đến ngày 28/4/2021, bà C ngưng mở hụi đối với các dây hụi này. Tổng số tiền hụi mà bà C nợ lại của bà N đối với các dây hụi trên là 191.750.000đồng. Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu bà C trả nợ hụi 263.000.000đồng, ngày 24/12/2021, bà N có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 71.250.000 đồng. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu bà Út C có trách nhiệm thanh toán một lần cho tôi số tiền nợ hụi là 191.750.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: 09 danh sách hụi (bản photo).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Út C cho rằng: Bà N có tham gia hụi do bà làm chủ hụi theo các dây hụi như bà N trình bày, thống nhất có nhận và còn nợ hụi của bà N 191.750.000đồng. Bà C đồng ý trả cho bà N số nợ 191.750.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bà N tự nguyện rút lại yêu cầu đối với số tiền 71.250.000đồng; chỉ yêu cầu bà C có trách nhiệm trả nợ hụi 191.750.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn thừa nhận nợ hụi của bà N 191.750.000đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Từ ngày 09/4/2020 âm lịch đến ngày 28/8/2021 âm lịch, bà N tham gia 09 dây hụi do bà C làm chủ. Bà C tự ý ngưng hụi và còn nợ lại bà N 191.750.000đồng. Hợp đồng hụi giữa bà N với bà C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được thể hiện qua các giấy hụi và bà C thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà N. Cho nên, bà N khởi kiện yêu cầu bà C trả số nợ hụi là phù hợp với quy định tại các Điều 351, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu bà C trả số tiền nợ hụi 263.000.000đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 71.250.000đồng, chỉ yêu cầu bà C trả số nợ hụi 191.750.000đồng, không yêu cầu trả lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã bị rút.

Bà C thừa nhận có nợ bà N 191.750.000đồng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà N đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/20219 của Ch Phủ về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 351, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần

yêu cầu khởi kiện của bà N; buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 191.750.000đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bị rút đối với số tiền 71.250.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Út C trả nợ hụi. Bà C đang cư trú trên địa bàn thành phố H nên yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị N cho rằng, bà N có tham gia 09 dây hụi do bà C làm chủ gồm: dây hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 09/4/2020 âm lịch, bà N tham gia 01 phần; hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 20/10/2020 âm lịch, bà N tham gia 01 phần; dây hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 20/10/2020 âm lịch, bà N tham gia 03 phần; dây hụi 2.000.000đồng, mở ngày 15/01/2021 âm lịch, bà N tham gia 01 phần; dây hụi 500.000đồng, mở ngày 12/01/2021 âm lịch, bà N tham gia 02 phần; dây hụi 500.000đồng, mở ngày 08/12/2020 âm lịch, bà N tham gia 02 phần; dây hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 18/6/2020 âm lịch, bà N tham gia 01 phần; dây hụi 3.000.000đồng, mở ngày 28/8/2021 âm lịch, bà N tham gia 01 phần và hụi 2.000.000đồng, bà N tham gia 01 phần. Đến thời điểm ngưng 09 dây hụi, bà C nợ bà N tổng số tiền hụi 191.750.000đồng.

Bà C thừa nhận có làm chủ 09 dây hụi như bà N trình bày, bà N có tham gia 09 dây hụi này. Bà C thừa nhận còn nợ bà N số tiền hụi như bà N trình bày. Vì vậy, có cơ sở xác định bà N có tham gia 09 dây hụi đang tranh chấp do bà C làm chủ và bà C còn nợ lại bà N số tiền vốn 191.750.000đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu bà C trả số tiền nợ hụi 263.000.000đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 71.250.000đồng, chỉ yêu cầu bà C trả số nợ hụi 191.750.000đồng, không yêu cầu trả lãi. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà bà N đã rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà N nợ hụi với số tiền 191.750.000đồng theo quy định tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bà N không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về phương thức thanh toán:

Bà C yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà N chấp nhận. Cho nên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà N là 9.587.500 đồng.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí 6.575.000 đồng mà bà N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 147, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Út C trả số nợ hụi 71.250.000đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị Út C có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị N số nợ hụi *191.750.000* (*một trăm C mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi nghìn*) *đồng*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Út C phải chịu *9.587.500 (C triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí 6.575.000đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001829 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H cấp ngày 10 tháng 11 năm 2021.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị Út C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. H (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.H (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung